

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT
Ngày 09 tháng 7 năm 2020
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chinh;

Ông Nguyễn Hữu Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Thân Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLPT- HNGĐ ngày 10/6/2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2020/QĐPT- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Phan Văn T vào ngày 19/12/2001 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Sau ngày kết hôn, chị về sống chung cùng gia đình anh T tại thôn V, xã C, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ không hợp nhau, bất đồng

quan điểm, lối sống. Anh T đã nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị phải đi bệnh viện cấp cứu. Từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay, chị xác định, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phan Ngọc B, sinh ngày 14/02/2003; Phan Thị Quyên, sinh ngày 22/01/2005 và Phan Văn Ngọc M, sinh ngày 19/10/2013. Hiện nay, cả 03 con đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung là Phan Văn Ngọc M. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh anh Phan Văn T xác nhận phần kết hôn và con chung như chị N khai và trình bày: Từ khi kết hôn cho tới nay, vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng chưa đến mức mâu thuẫn lớn. Chị N về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 12/2019, từ thời gian đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân. Chị N yêu cầu ly hôn, anh không nhất trí và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị N khai. Hiện nay, cả 03 con đang ở với anh. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh yêu cầu nuôi cả 03 con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử : Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Ngọc B, sinh ngày 14/02/2003 và Phan Thị Quyên, sinh ngày 22/01/2005 cho anh T nuôi dưỡng. Giao con chung Phan Văn Ngọc M, sinh ngày 19/10/2013 cho chị N nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm cũng tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 21 tháng 5 năm 2020, anh Phan Văn T kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm giao cháu Phan Văn Ngọc M cho chị N nuôi dưỡng và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi cả 03 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Hiện tại chị đang sinh sống cùng với bố mẹ và em trai chị tại thôn V, bố mẹ chị vẫn khỏe và lao động được, em trai chị chưa lấy vợ; nhà chị ở là nhà trần rộng rãi, có công trình phụ đầy đủ, đủ điều kiện để chị đón cháu Phan Văn Ngọc M về ở cùng. Chị làm ở công ty điện tử TNHH SEGYUNG VINA thuộc khu công nghiệp Q, Bắc Ninh được khoảng 5 năm, từ nhà chị đến chỗ làm khoảng 10 km; lương chính của chị hiện tại là 5.300.000/tháng. Ngoài ra, chị còn làm thêm giờ, nên tổng thu nhập của chị mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng. Chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Minh.

Bị đơn là anh Phan Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị Nguyễn Thị N tại phiên tòa về chỗ ở, hoàn cảnh gia đình và việc làm của chị N là đúng. Nhưng anh cho rằng từ khi ly thân cho tới nay chị N không quan tâm, chăm sóc con chung và khi chị N đón con về thì bị mẹ chị N dắt tay các cháu ra cổng. Vì vậy, anh không đồng ý giao cháu Minh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi cả 03 con chung, anh có đủ điều kiện để nuôi các con anh. Hiện tại anh đang ở với mẹ anh cùng các con anh. Nhà cửa kiên cố, rộng rãi đủ để cho anh, mẹ anh và các con anh ở. Anh làm nghề xây dựng, mức thu nhập của anh khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Văn T. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giữ nguyên Bản án sơ thẩm xử; Anh Phan Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Phan Văn T trong thời hạn luật định nên được Tòa án xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo yêu cầu được nuôi cả 03 con chung của anh Phan Văn T:

[2.1] Xét thấy, chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn T có 03 con chung. Từ khi ly thân cho tới nay 03 cháu vẫn do anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T cho rằng từ khi ly thân cho tới nay, chị N không quan tâm, thăm nom các con nên không đồng ý giao con cho chị N nuôi là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại biên bản ghi khai ngày 27/3/2020 (BL 29) của Tòa án nhân dân huyện Q đối với bà Ngô Thị Tuyết, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của anh T. Bà Tuyết xác nhận chị N đã về nhà bố mẹ đẻ nhưng vẫn đi lại thăm nom các con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai về nguyện vọng của của cháu Phan Ngọc B, sinh năm 2003 và cháu Phan Thị Quyên, sinh ngày 22/01/2005, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với anh T. Cháu Phan Văn Ngọc M còn nhỏ (dưới 07 tuổi) nên cấp sơ thẩm không lấy lời khai là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì thấy: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn T đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nếu giao cho anh T nuôi cả 03 con chung, trong khi chị N không nuôi con chung nào là bất hợp lý và tạo gánh nặng cho một bên và việc nuôi dưỡng con trẻ sẽ không tốt bằng giao cho cả hai bên bố và mẹ đều được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Để đảm bảo tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của các cháu, trên cơ sở xem xét về điều kiện, trách nhiệm nuôi dưỡng con của các đương sự, về nguyện vọng của các cháu đã trên 07 tuổi và để đảm bảo quyền được nuôi con của các đương sự. Án sơ thẩm đã giao 02 cháu lớn cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu nhỏ nhất cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và thực tiễn, cần được giữ nguyên. Kháng cáo của anh Phan Văn T yêu cầu nuôi cả 03 con chung là không có căn cứ, nên không được chấp nhận

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Văn T. Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số: 10/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, Tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phan Văn T;

2. Về con chung: Giao con chung Phan Ngọc B, sinh ngày 14/02/2003 và Phan Thị Quyên, sinh ngày 22/01/2005 cho anh Phan Văn T nuôi dưỡng. Giao con chung Phan Văn Ngọc M, sinh ngày 19/10/2013 cho chị N nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, chị N, anh T không yêu cầu giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0000922 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0001009, ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp